TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 31/2020/HSST
Ngày 14 tháng 9 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.
Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Thanh Hùng;
Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đục, Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Phục, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2020/TLST-HS ngày 21/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HS ngày 01/9/2020, đối với bị cáo:

Phạm Minh Q, sinh năm 1993 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;, chổ ở hiện nay: ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: mua bán (bán quán cà phê nhỏ); Trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1997 và 01 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 01/9/2011 Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 08 tháng tù về tội "Cướp tài sản"; tạm giữ: không, tạm giam: ngày 18/5/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn: bảo lĩnh ngày 21/5/2020; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1) Nguyễn Văn T, sinh năm 1995, vắng mặt.

2) Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1998, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T - Đồng Tháp.

3) Lê Thị H, sinh năm 1995, địa chỉ: ấp T, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt.

4) Nguyễn Thị H, sinh năm 1977, địa chỉ: ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*: Người làm chứng: Nguyễn Văn D, sinh năm 1993, địa chỉ: ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 15/5/2020, Nguyễn Văn T điện thoại cho bị cáo Phạm Minh Q hỏi mua ma túy, số lượng một góc tám và 02 bên thống nhất giá 600.000 đồng và điểm giao dịch là Trại cưa từ thiện ở ấp P, xã P (Q khai giá mua bán và ma túy là do T ở xã A đưa ra, Q chỉ hưởng lợi 50.000đồng). Q chạy xe mô tô biển số 67VA-1344, T chạy xe mô tô biển số 66P2-5165 đến điểm hẹn. Khi đến Q lấy gói ma túy để trong võ thuốc hiệu HERO ném xuống bàn, T lấy 570.000đồng đưa cho Q. Khi Q nhận tiền xong, còn T chưa kịp nhận gói ma túy thì bị bắt quả tang.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

- Theo Kết luận giám định số: 410/KL-KTHS ngày 18/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: "Tinh thể rắn chứa trong 1 túi nylon màu trắng hàn kín, được niêm phong trong phong thư màu trắng gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,366gam, loại Methamphetamine (số thứ tự 323 thuộc Danh mục II, Nghị định số 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ)".

Vật chứng thu giữ của vụ án gồm: Ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định có khối lượng 0,285 gam; 570.000đồng; 01 võ thuốc lá hiệu HERO; 02 xe mô tô; 02 điện thoại di động.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả kiểm tra và tạm giữ đồ vật nêu trên.

- Bản cáo trạng số: 32/CT-VKS-TN ngày 21/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp truy tố Phạm Minh Q về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Minh Q từ 02 năm - 03 năm tù.

+ Hình phạt bổ sung: không áp dụng.

+ Áp dụng các điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy : Ma túy khối lượng 0,285 gam, 01 võ thuốc lá hiệu HERO. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 570.000đồng, 01 điện thoại di động hiệu NEOSON. Trả lại cho: Lê Thị H 01 xe mô tô biển số 67VA-1344; Nguyễn Thị Bích P 01 xe mô tô biển số 66P2-5165; Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG.

+ Đối với T (không biết họ, năm sinh và địa chỉ cụ thể) đưa ma túy cho Q bán cho T, hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

+ Đối với hành vi của T chỉ mới đưa tiền mua nhưng chưa nhận ma túy thì bị bắt quả tang, nên chưa đủ cơ sở xử lý về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Lời nói sau cùng của bị cáo thừa nhận hành vi và thống nhất tội danh bị truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Lời khai của Nguyễn Văn T: ngày 15/5/2020, có giao dịch bằng điện thoại để mua ma túy của Q giá 600.000đồng, khi đến điểm hẹn giao cho Q 570.000đồng, nợ lại 30.000đồng và chưa kịp lấy ma túy do Q ném xuống bàn thì bị bắt quả tang. Khi giao dịch thì điện thoại và tiền 570.000đồng là của T, còn xe mô tô chạy đến điểm hẹn lấy ma túy là của gia đình.

- Lời khai của Nguyễn Thị Bích P: T là anh ruột, vào trưa ngày 15/5/2020 anh T có hỏi mượn xe biển số 66P2-5165 đi công chuyện, không nói đi đâu, làm gì. Xe này là của chị mua, nhưng chưa sang tên, hiện xe do anh Nguyễn Văn N ở huyện T đứng tên, nên có yêu cầu được nhận lại xe.

- Tại phiên tòa, chị Lê Thị H trình bày: Q là em rễ, ngày 11/5/2020 khi chị và chồng từ An Giang về nhà chơi, thì Q có hỏi mượn xe đi công chuyện, đến tối không thấy về, liên lạc thì biết là Q bị bắt về hành vi mua bán ma túy, vụ việc thế nào thì không biết. Nay chị có yêu cầu nhận lại xe.

- Anh Nguyễn Văn D có lời khai: khi tôi cùng vợ về nhà chơi, thì Q có hỏi mượn xe đi công chuyện, không nói đi đâu và làm gì, xe thuộc quyền sở hữu của vợ tôi là Lê Thị H.

- Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H trình bày: Q là chồng, điện thoại di động hiệu SAMSUNG là do chị mua để cho con nghe nhạc khi ngủ, Q lấy điện thoại gắn sim vào để liên lạc mua bán ma túy thì chị không biết, nên có yêu cầu nhận lại điện thoại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Q thừa nhận hành vi đúng như Bản cáo trạng đã truy tố và thống nhất tội danh mà Kiểm sát viên đề nghị.

Xét thấy sự thừa nhận này của bị cáo là hoàn toàn phù hợp sự thật khách quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ như: vật chứng, kết luận giám định, …

Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: *"Người nào mua bán trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm"*.

Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất khối lượng 0,366gam theo kết quả giám định là ma túy mà bị cáo bán cho T để kiếm lợi nhuận, nên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình

sự. Từ đó xét thấy quyết định truy tố của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, nên chấp nhận.

Như chúng ta đã biết, tác hại của ma túy làm ảnh hưởng đến sức khỏe và là nguồn gốc phát sinh ra nhiều căn bệnh hiểm nghèo, làm cho biết bao gia đình phải chịu đau thương khi có người nghiện, gây băng hoại đạo đức, xã hội, kìm hãm sự phát triển kinh tế. Bị cáo nhận thức rỏ tác hại này nhưng vì lợi ích cá nhân mà bất chấp hậu quả, gieo giắc cho nhiều đối tượng đi vào con đường sử dụng ma túy, chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên cần cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả và ý thức phạm tội, nghĩ cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giúp bị cáo có thời gian học tập, cải tạo để từ bỏ con đường phạm tội, trở thành công dân tốt. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và cũng nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung, khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế khó khăn, không có tài sản. Nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: căn cứ các điểm a, b khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý như sau:

- Khối lượng ma túy còn lại sau giám định 0,285gam là vật cấm lưu hành; 01 võ thuốc hiệu HERO là vật không giá trị, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu NEOSON là phương tiện mà T dùng vào việc mua ma túy là phương tiện phạm tội; Số tiền 570.000đồng là tiền do phạm tội từ việc mua bán ma túy mà có. Do đó cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- 02 xe mô tô biển số 67VA-1344, 66P2-5165 do Q và T điều khiển để giao dịch mua bán ma túy, không đứng tên chủ sở hữu, khi cho mượn xe thì chị H và chị P không biết dùng vào việc phạm tội, do đó nghĩ nên giao trả cho chủ sở hữu là chị H và chị P.

- 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, là phượng tiện bị cáo Q dùng vào việc phạm tội, đáng lý tịch thu, tuy nhiên chị H cho là của chị để cho con nghe nhạc khi ngũ, Q sử dụng không biết. Xét thấy đây là vật giá trị không lớn, nên giao trả cho chị H cũng hợp tình, hợp lý.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng các Điều 12, 14 và 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét cho bị cáo được miễn nộp án phí do thuộc hộ cận nghèo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố Phạm Minh Q phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*. Xử phạt: Phạm Minh Q: 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án và được khấu trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 18/5/2020 đến ngày 21/5/2020.

- *Xử lý vật chứng* : căn cứ các điểm a, b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu, tiêu hủy: Mẩu tinh thể rắn còn lại sau giám định trong phong thư có khối lượng 0,285gam loại Methamphetamine; 01 võ thuốc lá hiệu HERO.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 570.000đồng; 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhản hiệu NEOSON, màu tím – đen.

+ Trả lại cho Lê Thị H: 01 xe mô tô, hiệu WAYEC, màu sơn đem – xám, biển số 67VA-1344.

+ Trả cho Nguyễn Thị Bích P: 01 xe mô tô, hiệu CITI, màu sơn đỏ - đen, biển số 66P2-5165.

+ Trả cho Nguyễn Thị H: 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, hiệu SAMSUNG, màu xanh – đen. *(Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông đang quản lý các vật chứng trên).*

- *Án phí hình sự sơ thẩm:* Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng các Điều 12, 14 và 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Bị cáo Phạm Minh Q được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, các chị Lê Thị H, Nguyễn Thị H có quyền làm đơn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- CSĐT CA huyện Tam Nông;
- THAHS CA huyện Tam Nông;
- CCTHADS huyện Tam Nông;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Trí Viễn